TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2022/DS-ST
Ngày: 17-10-2022
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ pH toà: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thi.

2. Bà Võ Thị Cảnh.

Thư ký pH toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia pH tòa: Ông Nông Trường Sinh- Kiểm sát viên.

Ngày 17/10/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 27/2022/TLST-DS ngày 07/04/2022 về ***"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-DS ngày 15/9/2022 và Quyết định hoãn pH tòa số 07/2022/QĐST-DS ngày 30/9/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Quốc Q, sinh năm 1967 và bà Trần Thị V, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai;

- *Bị đơn*: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Người làm chứng: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Ông Q, bà V có đơn xin xét xử vắng mặt; bà H, bà H vắng mặt không có lý do;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại pH tòa nguyên đơn ông Lê Quốc Q và bà Trần Thị V trình bày: Vì là chỗ quen biết với nhau đã lâu nên bà Hoàng Thị H đã nhiều lần vay, mượn tiền của ông, bà. Vào những lần vay, mượn tiền trước đó thì bà H có trả được một ít tiền nợ lãi, có khoản trả được nợ gốc và có khoản còn nợ lại, tính đến ngày 13/9/2019 âm lịch, tức ngày 11/10/2019

Dương lịch, giữa ông, bà và bà H đã xác định lại số tiền bà H còn nợ ông, bà là 97.000.000 đồng (*chín mươi bảy triệu đồng*) nợ gốc. Bà H đã tự nguyện viết nội dung vay ông, bà số tiền trên vào mẫu giấy vay tiền có sẵn ký và ghi rõ họ tên người vay vào giấy vay tiền. Do trong mẫu giấy vay tiền có ghi chồng nên bà H đã tự điền Ngô Trọng Tuấn (*là chồng của bà H)* vào giấy nhưng ông Tuấn không ký vào giấy vay tiền và cũng không liên quan gì đến khoản nợ này. Ông Q, bà V đã cung cấp giấy vay tiền trên cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện.

Trong quá trình vay tiền, bà H chưa trả được cho ông, bà bất kỳ khoản nợ gốc nào, nay ông, bà cần thu hồi nợ nên đã nhiều lần gặp trực tiếp yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H vẫn không chịu trả nên ông, bà khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện K yêu cầu bà H phải trả cho ông, bà số tiền 97.000.000 đồng (*chín mươi bảy triệu đồng*) nợ gốc. Ông Q-bà V không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi.

Tại bản tự khai và pH hòa giải bị đơn bà Hoàng Thị H trình bày: Bà H thừa nhận trước đó đã từng vay, mượn tiền của ông Q-bà V nhiều lần. Đến ngày 13/9/2019 âm lịch (tức ngày 11/10/2019 Dương lịch) bà và ông Q-bà V xác định lại số tiền bà đã vay là 97.000.000 đồng (*chín mươi bảy triệu đồng*) đúng theo nội dung trong Giấy vay tiền mà ông Q-bà V đã cung cấp cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện. Bà đã tự nguyện ký, ghi rõ họ tên người vay tiền và giao lại giấy vay tiền cho ông Q-bà V giữ. Do trong mẫu giấy vay tiền có ghi chồng nên bà tự ghi tên chồng là Ngô Trọng Tuấn vào giấy vay tiền chứ ông Tuấn không liên quan gì đến khoản nợ giữa bà và ông Q-bà V.

Tuy nH, bà không chấp nhận trả nợ cho ông Q-bà V số tiền trên mà chỉ chấp nhận trả số tiền là 50.000.000 đồng, vì bà bắt đầu vay tiền của ông Q-bà V từ năm 2012 cho đến năm 2014 với tổng số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng, trong khoảng thời gian đó bà có thực hiện nghĩa vụ trả lãi rất nhiều lần (thỏa thuận miệng giữa hai bên và bà không có chứng cứ chứng minh việc đã trả lãi cho ông Q-bà V). Đến năm 2019, bà có nhờ em gái là Hoàng Thị H trả cho ông Q-bà V số tiền là 10.000.000 đồng, giấy mượn tiền do em gái Hoàng Thị H đứng tên vay của ông Q-bà V. Bà H cũng không cung cấp được chứng cứ gì cho Tòa án về việc đã trả được một phần số tiền nợ là 47.000.000 đồng và chỉ còn nợ ông Q-bà V số tiền là 50.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 09/9/2022 chị Hoàng Thị H đã trình bày: chị H tự nguyện đứng tên vay hộ cho bà H số tiền 10.000.000 đồng, viết giấy vay tiền đứng tên chị H và đến ngày 05/12/2021 âm lịch (tức ngày 07/01/2022 Dương lịch), chị H đã trả khoản nợ trên. Chị H không có liên quan gì đến việc vay tiền giữa bà H và ông Q-bà V.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Bản gốc Giấy vay tiền đề ngày 13/9/2019 âm lịch (tức là ngày 11/10/2019 Dương lịch), có nội dung "*…Tôi tên: Hoàng Thị H. Chồng: Ngô Trọng Tuấn. Trú TDP 8 TT K-Gia Lai. Hôm nay ngày 13-9-2019 âm lịch. Tôi có vay cô Trần Thị V, chú Lê Quốc Q trú tại tổ DP 12 thị trấn K-Gia Lai, với số tiền là 97.000.000 đồng. Bằng chữ: chín mươi bảy triệu…"* Bà H ký, ghi rõ họ tên người vay tiền Hoàng Thị H; 02 Căn cước công dân mang tên Trần Thị V, Lê Quốc Q (bản sao) và 01 Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Lê Quốc Q (bản sao);

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 6, Điều 96, Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn: Không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 6, Điều 96, Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 26; 35; 39; 91; 93; 94; 95; 96; 108; 144; 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 116, 117, 280, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, Q lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quốc Q và bà Trần Thị V.

Buộc bị đơn bà Hoàng Thị H phải trả cho nguyên đơn số tiền 97.000.000 đồng (*chín mươi bảy triệu đồng*) nợ gốc.

Buộc bị đơn bà Hoàng Thị H phải chịu 4.850.000 đồng (*bốn triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho nguyên đơn ông Lê Quốc Q và bà Trần Thị V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. (*Có kèm theo bài phát biểu*)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi ngH cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại pH tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Hoàng Thị H có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố 8, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quy định tại Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quốc Q và bà Trần Thị V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy vay tiền đề ngày 13/9/2019 âm lịch (ngày 11/10/2019 dương lịch) có nội dung bị đơn bà Hoàng Thị H vay ông Lê Quốc Q và bà Trần Thị V số tiền là 97.000.000 đồng *(chín mươi bảy triệu đồng),* phía dưới có chữ ký của bà H. Việc vay tiền và chứng cứ là giấy vay tiền nói trên đã được bà H thừa nhận, điều này thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hoàng Thị H thừa nhận có vay số tiền 97.000.000 đồng nhưng bà H chỉ chấp nhận trả cho ông Q-bà V số tiền là 50.000.000 đồng vì bà cho rằng bà chỉ vay 60.000.000 đồng tiền nợ gốc, bà đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi nhiều lần và nhờ chị H (em gái bà H) trả nợ số tiền là

10.000.000 đồng do chị H đứng tên vay nên hiện nay bà H chỉ còn nợ ông Q-bà V số tiền 50.000.000 đồng. Việc khai nhận của bà H không được nguyên đơn chấp nhận, bà H cũng không cung cấp được chứng cứ gì cho Tòa án về việc đã được một phần khoản nợ 47.000.000 đồng cho ông Q-bà V, người làm chứng chị H cho rằng không liên quan đến việc vay tiền giữa bà H và ông Q, bà V nên không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của bà Hoàng Thị H. Việc mượn tiền chỉ có một mình bà H chịu trách nhiệm không liên quan gì đến ông Tuấn *(chồng bà H)* nên buộc bà H có trách nhiệm trả cho ông Q-bà V là phù hợp.

Đối với chị Hoàng Thị H, theo bà H trình bày là bà đã đưa cho chị H số tiền là 10.000.000 đồng để trả nợ gốc cho ông Q-bà V thay cho bà H, nhưng khoản vay này do chị H đứng tên vay và đồng thời tại bản tự khai ngày 09/9/2022 chị Hoàng Thị H đã trình bày chị H tự nguyện đứng tên vay hộ cho bà H số tiền 10.000.000 đồng, viết giấy vay tiền đứng tên chị H và đến ngày 05/12/2021 âm lịch (tức ngày 07/01/2022 Dương lịch), chị H đã trả khoản nợ trên. Chị H không có liên quan đến việc vay tiền giữa bà H và ông Q-bà V nên Hội đồng xét xử xác định chị H tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người làm chứng là hoàn toàn phù hợp.

Theo giấy vay tiền các bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, không ghi lãi suất nên đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Ông Q-bà V đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà H không trả nên ông Q-bà V khởi kiện là có căn cứ đúng theo quy định tại các Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quốc Q và bà Trần Thị V, buộc bị đơn bà Hoàng Thị H phải trả cho nguyên đơn số tiền 97.000.000 đồng (*chín mươi bảy triệu đồng*) nợ gốc.

Ông Q-bà V không yêu cầu bà H trả tiền lãi của số nợ nói trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc Q và bà Trần Thị V được chấp nhận toàn bộ nên ông Q-bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Q-bà V toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bà Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 97.000.000 đồng x 5% = 4.850.000 đồng (*bốn triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 232; Điều 235; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, Q lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quốc Q và bà Trần Thị V.

Buộc bị đơn bà Hoàng Thị H phải trả cho nguyên đơn số tiền 97.000.000 đồng (*chín mươi bảy triệu đồng*) nợ gốc.

Kể từ ngày người được thi hành án Ông Q-bà V có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án bà H thi hành án xong khoản tiền nợ nói trên (97.000.000 đồng), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn bà Hoàng Thị H phải chịu 4.850.000 đồng (*bốn triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Lê Quốc Q và bà Trần Thị V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.425.000 đồng (*hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0003456 ngày 07/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PH TÒA

Bùi Thị Ngọc

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM **TP-CHỦ TỌA PHIEN TÒA**